

Giải pháp chính sách phát triển Khu kinh tế Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

TRẦN NHẬT TÂN

Phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế là một trong những giải pháp nhằm thu hút đầu tư, thúc đẩy thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Bài viết thảo luận và đóng góp ý kiến nhằm thúc đẩy phát triển Khu kinh tế Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh.

Từ khóa: Khu kinh tế Vũng Áng, khu kinh tế, thể chế khu kinh tế.

1. Khái quát các chính sách phát triển khu kinh tế ở Việt Nam

1.1. Các chủ trương, chính sách của chính phủ

Nghị định số 322/HĐBT ngày 18-10-1991 là văn bản đầu tiên do Chính phủ Việt Nam ban hành quy định về khu chế xuất. Nghị định này ra đời trong hoàn cảnh Việt Nam mới bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa và đang tập trung ưu tiên thúc đẩy xuất khẩu nhằm cân bằng cán cân thanh toán quốc tế.

Ngay sau khi ban hành Nghị định số 322/HĐBT, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị Định 192/CP ngày 28-12-1994 quy định về khu công nghiệp của Việt Nam. Nghị Định 192/CP là văn bản đầu tiên quy định về sự hình thành khu công nghiệp theo ý đồ hình thành các khu công nghiệp tập trung, thông qua việc cung cấp cơ sở hạ tầng. Những ưu đãi của khu công nghiệp như ghi trong Nghị định này là không thật sự rộng rãi như quy định trong khu chế xuất.

Do có sự trùng lặp về chức năng của một số khu, và vì vậy để giảm bớt phiền hà về các quy định pháp lý đối với các khu chế xuất (KCX) và khu công nghiệp (KCN), các quy định liên quan đến hai loại khu này được nhập vào làm một tại Nghị định 36/CP ngày 24-4-1997. Theo nghị định này KCX và KCN được nhập vào làm một (và bao gồm cả khu công nghệ cao) mặc dù có một số quy định

riêng biệt cho các doanh nghiệp theo chế độ KCX và doanh nghiệp thuộc KCN: "Chính phủ khuyến khích doanh nghiệp [...] đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao (gọi chung và tất cả KCN, trừ trường hợp có quy định riêng cho từng loại khu).

KCN, KCX đã có sự phát triển mạnh ở Việt Nam với sự khởi đầu bằng việc xây dựng KCX Tân Thuận tại thành phố Hồ Chí Minh. Với việc chủ trương mở rộng các KCX theo hướng các KCN hay các khu công nghệ cao, các khu kinh tế truyền thống đã có sự phát triển và mở rộng ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Cùng với sự phát triển của KCN, KCX một số địa phương đã tập trung phát triển các khu công nghệ cao nhằm tạo ra sự bứt phá về công nghệ. Bên cạnh đó, hàng loạt các khu kinh tế cửa khẩu cũng đã được hình thành thúc đẩy giao thương giữa Việt Nam và các nước cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương thuộc khu vực biên giới.

Trên thực tế các khu này cũng đã phát huy tác dụng và trong tương lai vẫn còn sự phát triển mạnh ở Việt Nam. Tuy nhiên tác động của các khu này là có hạn và chưa tạo ra được một sự thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ trên một quy mô địa lý lớn. Chính vì những hạn

Trần Nhật Tân, ThS., Sở Công thương tỉnh Hà Tĩnh.

chế này, Chính phủ Việt Nam đã triển khai một mô hình mới, mô hình kinh tế tổng hợp với mục tiêu biến các khu kinh tế mở thành các cực tăng trưởng tạo đà cho sự phát triển kinh tế xã hội trên một khu vực có quy mô rộng lớn về địa lý. Ý tưởng xây dựng các khu kinh tế này đã được hình thành từ những năm đầu thế kỷ XX qua thử nghiệm ở một số khu như Khu kinh tế Chu Lai, Nghi Sơn, Vân Đồn... nhưng cho đến thời gian gần đây, vấn đề này được thể chế hóa trong Quyết định số 1353/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23-9-2008 dưới tiêu đề “Về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020”. 15 khu kinh tế biển trải dài từ vùng biển giáp Trung Quốc cho đến khu vực giáp Campuchia đã được phê duyệt.

2. Trường hợp Khu kinh tế Vũng Áng

Hà Tĩnh nằm ở vị trí rất thuận tiện cho việc hợp tác, trao đổi và thương mại với các tỉnh và các nước khác trong khu vực như Lào, Campuchia, Thái Lan. Vũng Áng có chiều dài bờ biển hơn 40km với cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương có độ âm tầng cao cho phép tàu, thuyền có trọng tải từ 5 đến 30 vạn tấn ra vào thuận lợi. Từ cụm cảng biển nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương theo tuyến hàng hải quốc tế có thể đi các nước Nam Á, Bắc Mỹ và Châu Âu. Cụm cảng này có tiềm năng cung cấp tuyến vận chuyển ra biển với tuyến đường ngắn nhất từ cảng biển Việt Nam sang Trung Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan khoảng 400km, do đó rẻ hơn cho các doanh nghiệp ở Đông Bắc Thái Lan và Trung Lào so với tuyến hiện tại là hành lang kinh tế Đông-Tây nối với cảng Đà Nẵng. Vũng Áng cách Trung Lào 300km so với khoảng cách 500km đến Cảng Đà Nẵng; và cách 660km từ Khon Kean ở Thái Lan so với 820km đến Đà Nẵng.

Khu kinh tế Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg tháng 4-2006 và Quyết

định số 19/2010/QĐ-TTg tháng 3-2010 của Thủ tướng Chính phủ nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển sau đây: (a) khai thác tối đa lợi thế của điều kiện tự nhiên, vị trí địa chính trị và kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và Bắc miền Trung; (b) xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, với trọng tâm là: phát triển các ngành công nghiệp luyện kim gần với lợi thế về tài nguyên, nguồn nguyên liệu (mỏ sắt Thạch Khê, mỏ titan...) và phát triển đồng bộ khu liên hợp cảng Vũng Áng - Sơn Dương; (c) trở thành đầu mối giao thông vận tải có ý nghĩa quan trọng quốc tế, góp phần mở rộng thị phần cho khu vực Bắc miền Trung và trở thành cầu nối với thị trường Lào và Đông Bắc Thái Lan; (d) tạo công ăn việc làm, thúc đẩy giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của khu vực, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động của Hà Tĩnh để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho Khu kinh tế Vũng Áng.

Tính lũy kế đến tháng 6-2015, khu kinh tế Vũng Áng có 100 dự án đầu tư, trong đó 61 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 44.702 tỷ đồng; 39 dự án đầu tư nước ngoài, tổng vốn đăng ký trên 16 tỷ USD. Hiện nay ở Vũng Áng đã có tới 26 quốc gia và vùng lãnh thổ cùng tham gia xây dựng và có gần 400 doanh nghiệp được cấp đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đầu tư.

Tại Khu kinh tế Vũng Áng, một số dự án đã hoàn thành, đi vào hoạt động như: Tổng kho Xăng dầu - Dầu khí Vũng Áng, Tổng kho Khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ; cảng Vũng Áng (cầu cảng số 1, cầu cảng số 2)... Một số công trình, dự án lớn đang được đẩy nhanh tiến độ: Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương do Tập đoàn Formosa (Đài Loan) đầu tư với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 hơn 10 tỷ USD đang triển khai đồng bộ các hạng mục để cuối năm 2015 có sản phẩm thép ra lò; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I công suất 1.200MW, vốn đầu tư 1,7

tỷ USD; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II công suất 1.200MW vốn đầu tư 2,4 tỷ USD; các dự án công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ, thương mại, du lịch có tổng mức đầu tư từ 50 – 70 triệu USD đang đẩy nhanh tiến độ.

Khu kinh tế Vũng Áng đang từng bước hình thành một trung tâm công nghiệp nặng lớn nhất khu vực Đông Nam Á, với sản phẩm công nghiệp chủ lực là thép (22,5 triệu tấn), nhiệt điện (7.000MW) và dịch vụ cảng nước sâu với 59 cầu cảng cho tàu từ 5 vạn đến 30 vạn tấn cập bến. Dự báo đến năm 2020, tổng vốn đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng đạt 45 tỷ USD, trong đó vốn FDI là 39 tỷ USD, vốn đầu tư trong nước khoảng 6 tỷ USD, vốn đầu tư tư nhân khoảng 18 nghìn tỷ đồng.

Các dự án đã và sẽ đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng với quy mô ngày càng lớn và trình độ công nghệ cao, đi cùng với những dự án như vậy đòi hỏi phải có những thể chế hiện đại tương ứng và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có đủ năng lực trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ. Điều này đặt ra những thể chế phù hợp với sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng trong thời gian tới.

2.1. Đóng góp vào xuất khẩu

Khu kinh tế Vũng Áng đang từng bước góp phần quan trọng đưa kinh tế Hà Tĩnh tăng trưởng. Tỷ trọng xuất khẩu của Khu kinh tế Vũng Áng so với kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đã tăng từ mức 40,19% (năm 2011) lên tới 49,93% (năm 2014).

Nếu năm 2001, năm đầu tiên bến số 1 cảng Vũng Áng đưa vào khai thác, có 74 lượt tàu với 39.193 tấn hàng hóa thông qua, thì cuối năm 2014, các con số trên lần lượt là 1.338 lượt tàu và 2.448 triệu tấn hàng hóa. Vũng Áng đã khai thông nguồn hàng từ nước Lào dự kiến đạt 1 triệu tấn/năm vào cuối năm 2015 và trên cơ sở đó, đang từng bước khôi thông tiếp nguồn hàng Đông Bắc Thái Lan.

Với cảng nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương công suất 30 triệu tấn/năm, đáp ứng cho tàu có trọng tải 300.000 tấn; ngoài các yếu tố hạ tầng của các cảng tại đây, để cảng các cảng phục vụ tốt cho các doanh nghiệp hoạt động trong Khu kinh tế và phục vụ cho Lào và Thái Lan thì các hệ thống thể chế và thủ tục hành chính thông quan tại cảng nơi đây cần có sự thông thoáng và đạt đẳng cấp quốc tế.

BẢNG 1: Tình hình hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng các năm 2011 – 2015

	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	6-2015
1. Dự án đầu tư						
- Trong nước	dự án	11	10	7	11	
- Nước ngoài	dự án	7	1	9	8	
2. Số vốn đầu tư						
- Trong nước	tỷ đồng	1.324	1.046	783	4.118	
- Nước ngoài	triệu USD	86,46	1	47,05	42,5	
3. Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	38	52	138	517	
4. Nợ ngân sách nhà nước	tỷ đồng	1.303	1.700	3.541	7.830	
5. Số lao động làm việc	người	10.330	13.145	22.165	36.253	36.942

Nguồn: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh.

2.2. Đóng góp ngân sách

Nếu như cả giai đoạn 2011 – 2014 tổng thu ngân sách của Hà Tĩnh đạt hơn 24 nghìn tỷ đồng thì riêng năm 2014 đã đạt gần 12 nghìn tỷ đồng, tức một nửa của cả giai đoạn, trong đó đóng góp trên 50% là nguồn thu từ Khu kinh tế Vũng Áng. Điều này góp phần đưa Hà Tĩnh vươn lên trở thành tỉnh có số thu ngân sách dẫn đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ và gia nhập câu lạc bộ các tỉnh có số thu ngân sách trên 5.000 tỷ đồng/năm.

2.3. Đóng góp vào giải quyết việc làm

Năm 2011 tổng số lao động tại các Khu kinh tế là 10.330 người; năm 2012 là 13.145 người. Năm 2013 tổng số lao động trong tại Khu kinh tế là 22.165 người, trong đó lao động trong nước là 18.769 người, lao động nước ngoài là 3.496 người. Năm 2014 tổng lao động trong Khu kinh tế là 36.253 người, trong đó lao động trong nước là 30.253 người, lao động nước ngoài là 6.140 người. Tổng lao động tại Khu kinh tế Vũng Áng tổng hợp đến ngày 6-2015 là 36.942 người, trong đó lao động trong nước là 29.244 người, nước ngoài là 7.698 người (Trung Quốc: 6.106 người). Với số lượng lao động lớn như vậy, hiện nay Khu kinh tế Vũng Áng được xem như đại công trường xây dựng. Đi cùng với lao động trong nước, hiện nay tại Khu kinh tế Vũng Áng cũng có một số lượng lớn lao động nước ngoài, điều này cũng đòi hỏi có những thể chế phù hợp để quản lý lao động nước ngoài.

2.4. Thúc đẩy đô thị hóa gắn với Khu kinh tế Vũng Áng

Sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng đã trở thành động lực lan tỏa kéo theo sự phát triển kinh tế- xã hội của huyện Kỳ Anh. Quy mô dân số tăng nhanh trong đó chủ yếu là dân số cơ học; dân số ở khu vực thị trấn Kỳ Anh và Khu kinh tế Vũng Áng hiện nay là trên 8 vạn người, trong đó dân số cơ học trên 3,2 vạn người, và tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới, dự báo đến cuối năm 2015 dân số khu vực này sẽ đạt

trên 15 vạn người và đến 2020 là trên 19 vạn người. Sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng thúc đẩy và đòi hỏi phải có khu đô thị để phục vụ cho sự phát triển của Khu kinh tế. Việc thành lập thị xã Kỳ Anh và mục tiêu đến năm 2020 trở thành đô thị loại III đã đặt ra yêu cầu xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội để đảm bảo nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật và trình độ hiểu biết pháp luật của người lao động. Đi cùng với đó là cần phải xây dựng hệ thống bệnh viện, trạm y tế, nhà văn hóa, sân chơi, bãi tập, các nhu cầu giải trí khác cho chính bản thân người lao động và gia đình của người lao động... nhất là phải đáp ứng tốt các vấn đề về an sinh xã hội cho 49.000 lao động đến năm 2015 và 89.000 lao động đến năm 2025.

Như vậy, Khu kinh tế Vũng Áng dù mới đi vào hoạt động nhưng đã đạt được những kết quả tích cực và để khu kinh tế này phát triển như các định hướng, quy hoạch vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết, đặc biệt là vấn đề thể chế.

3. Các thách thức và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy Khu kinh tế Vũng Áng phát triển

3.1. Thách thức về chất lượng nguồn nhân lực

Theo Niên giám thống kê Hà Tĩnh, tính đến cuối năm 2014, tỉnh có tổng dân số là 1.255.253 người, chiếm 1,4% dân số cả nước. Nguồn nhân lực dồi dào là điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn Hà Tĩnh trong các ngành kinh tế, tính đến năm 2014 là 709.481 người, chiếm khoảng 56,5% tổng dân số của tỉnh. Trong giai đoạn 2010 – 2014, lực lượng lao động tăng trưởng là 2,05%/năm, trong khi tốc độ gia tăng dân số của tỉnh trong cùng thời kỳ chỉ đạt 0,47%. Sự gia tăng nhanh lực lượng lao động trong giai đoạn này là do các luồng di cư lao động từ các nơi khác đến, đặc biệt là

trước nhu cầu và sức hút của Khu kinh tế Vũng Áng.

Tuy nhiên, lực lượng lao động ở Hà Tĩnh đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ còn thấp và chuyển biến chậm (bảng 2). Một số lĩnh vực quan trọng cần thiết cho sự phát triển của tỉnh như kỹ thuật nói chung ít được đào

tạo và thiếu kỹ năng. Đây sẽ là thách thức đối với phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh nói chung và Khu kinh tế Vũng Áng nói riêng. Do vậy, nếu không có các cơ chế, chính sách để đào tạo cũng như thu hút nguồn nhân lực có nhân lực chất lượng thì sẽ là trở ngại cho sự phát triển của tỉnh.

BẢNG 2: Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo (%)

Năm	Tổng số	Phân theo giới tính		Phân theo thành thị, nông thôn	
		Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
2009	14,6	17,3	12,1	38,2	10,9
2010	14,2	17,1	11,4	34,8	10,8
2011	14,8	17,9	11,8	32,3	11,7
2012	17,8	20,8	14,9	31,2	15,3
2013	20,8	25,0	16,8	32,6	18,4

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2014.

Với việc xác định là một trong năm Khu kinh tế trọng điểm của cả nước, Khu kinh tế Vũng Áng được Chính phủ cho phép xây dựng và thực hiện cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế, bao gồm: hỗ trợ kinh phí cho các khóa đào tạo để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý và đào tạo để nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp; cơ chế đặc thù đào tạo nhân lực trình độ đại học cho Khu kinh tế Vũng Áng. Bên cạnh đó, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành các cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2011–2015.

Tuy nhiên, công tác đào tạo nhân lực cho Khu kinh tế Vũng Áng còn nhiều hạn chế. Về số lượng đào tạo không đạt được kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực. Đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng, cơ cấu sử dụng sử dụng lao động tập trung ở các ngành khối kỹ thuật như: điện, cơ khí, luyện kim, chế tạo máy, tự động hóa... chiếm tỷ

trọng cao hơn, với khoảng 60–65% nhu cầu tuyển dụng hàng năm. Kế đến, các ngành thuộc khối kỹ thuật khác như: xây dựng, giao thông, thủy lợi... cũng chiếm tỷ trọng đáng kể, với khoảng 20–25%, còn lại là các ngành nghề khác. Mặc dù vậy, các ngành nghề đào tạo lại chưa đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Thực trạng này một mặt xuất phát từ việc thiếu gắn kết giữa nhu cầu sử dụng và đào tạo (từ phía cơ sở đào tạo), đặc biệt là các chính sách lại hỗ trợ đào tạo giữa các ngành như nhau, thiếu sự phân biệt giữa các ngành (ưu tiên hỗ trợ các ngành kỹ thuật) để thu hút được số lượng học viên đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong khu kinh tế.

3.2. Kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động của khu kinh tế

Cơ sở hạ tầng có vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra môi trường đầu tư để thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước. Khu kinh tế Vũng Áng đang trong giai đoạn đầu tư, xây dựng từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bước đầu đã hoàn thành cơ

bản một số công trình hạ tầng quan trọng để hoạt động, một số công trình trọng điểm đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư gồm một số tuyến đường giao thông trục chính, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, hạ tầng khu tái định cư... mang lại hiệu quả tích cực cho sự phát triển của Khu kinh tế. Mặc dù vậy, cơ sở hạ tầng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đang ngày càng gia tăng của Khu kinh tế Vũng Áng.

Về hạ tầng nội bộ: hệ thống giao thông nội bộ Khu kinh tế Vũng Áng cơ bản được kết nối đồng bộ, hệ thống hạ tầng (cấp điện, cấp nước, thoát nước...) đã được triển khai đầu tư, đến nay một số hạng mục đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Các cơ sở hạ tầng khác cũng cần được chú ý, trong đó có xây dựng văn phòng và kho chứa phù hợp với mục đích sử dụng của công ty dịch vụ hậu cần, kho bãi container.

Hạ tầng giao thông kết nối với bên ngoài: Cảng Sơn Dương là một trong những cảng biển nước sâu lớn nhất ở Việt Nam hiện đang được Formosa xây dựng tại Khu kinh tế Vũng Áng. Vị trí cảng gần với Lào và Thái Lan và gần các tuyến đường biển quốc tế có thể là lợi thế để tỉnh phát triển thành một trung tâm thương mại và vận chuyển hàng hải. Để khai thác được lợi thế của cảng này và biến cảng trở thành nơi trung chuyển hàng hóa cần có các tuyến đường kết nối phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa. Quốc lộ 12 hiện giờ là tuyến đường chính giữa Lào và Vũng Áng, nhưng là tuyến đường cấp III với hai làn đường nên không thể phục vụ cho các phương tiện chở container. Đường sắt quốc tế từ Thakek (Khăm Muộn - Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào) đến Mụ Giạ (Tuyên Hóa - Quảng Bình) sau đó kết nối với đường sắt quốc gia từ Tân Ấp - Vũng Áng, nằm trong hệ thống đường sắt xuyên Á có ý nghĩa quan trọng. Đây là tuyến đường sắt nối liền giữa các nước, tạo ra một hệ thống giao thông liên hoàn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực. Tuyến

đường sắt hoàn thành sẽ đáp ứng được yêu cầu vận tải xuất nhập khẩu của Lào qua các nước và qua Cảng Vũng Áng.

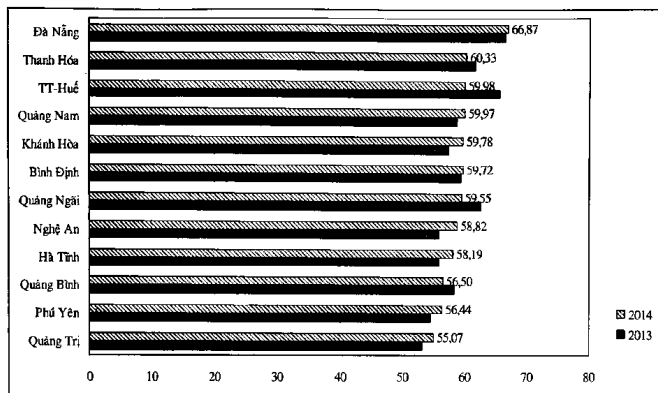
Hạ tầng xã hội của khu kinh tế: đi cùng với sự phát triển kinh tế, đòi hỏi phải có các hạ tầng xã hội tương ứng; hơn nữa, Khu kinh tế Vũng Áng được gán với đô thị hóa của thị xã Kỳ Anh nên các hạ tầng đô thị cũng cần thiết cho một đô thị hiện đại. Hiện nay, Khu kinh tế Vũng Áng còn cần có các hạ tầng: Bệnh viện Vũng Áng, các dự án nhà ở cho công nhân và người lao động tại Khu kinh tế Vũng Áng, trung tâm thương mại, nhà triển lãm, trạm xăng, trung tâm giải trí, hạ tầng nước sạch và vệ sinh môi trường của một thị xã hiện đại (nước sinh hoạt, nước thải, thoát nước, khí, nhà máy xử lý nước thải công nghiệp...).

Như vậy, nhu cầu đầu tư để phát triển hạ tầng của Khu kinh tế Vũng Áng hiện tại và trong thời gian tới là rất lớn. Trong khi đó, hiện nay nguồn lực từ ngân sách nhà nước có giới hạn và Chính phủ đang thực hiện chủ trương cắt giảm đầu tư công. Vì vậy, để có thể thực hiện các yêu cầu về cơ sở hạ tầng như trên cần có các cơ chế chính sách để huy động nguồn vốn, đặc biệt là từ khu vực tư nhân.

3.3. Môi trường kinh doanh

Trong thời gian qua Hà Tĩnh đã cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh với 1 bộ phận một cửa liên thông, xử lý đơn đăng ký kinh doanh trong vòng 5 ngày làm việc. Tuy nhiên, so với các tỉnh khác, Hà Tĩnh vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, nếu so sánh với các tỉnh trong vùng có thể thấy chỉ số PCI của Hà Tĩnh còn thấp hơn, chẳng hạn, năm 2014, Hà Tĩnh xếp thứ 4 từ dưới lên (hình 1). Việc giúp doanh nghiệp đầu tư và hoạt động dễ dàng hơn trong tỉnh sẽ đảm bảo lượng đầu tư lớn hơn, đồng thời thúc đẩy mức độ cạnh tranh cao hơn giữa các doanh nghiệp.

HÌNH 1: So sánh chỉ số PCI của Hà Tĩnh trong vùng duyên hải miền Trung



Nguồn: Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam.

Để cải thiện môi trường kinh doanh, Hà Tĩnh cần nỗ lực hơn nữa trong việc cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ công (tính năng động của chính quyền)...

3.4. Các rào cản về thể chế đối với phát triển Khu kinh tế Vũng Áng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

- Về việc kết nối thể chế, tạo thuận lợi cho vận tải các nước ASEAN, GMS

Ngày 26-11-1999 giữa Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đó có sự tham gia ký kết của các nước Campuchia, Trung Quốc, Mianma), đã ký Hiệp định tạo thuận lợi vận chuyển người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS – CBTA); trong đó bao gồm Quốc lộ 8, Quốc lộ 12 và các cặp cửa khẩu Cầu Treo (tỉnh Hà Tĩnh) – Nậm Phao (Lào) và Chalo (tỉnh Quảng Bình) – Na Phầu (Lào) trên tuyến

hành lang kinh tế Đông – Tây. Hiệp định GMS–CBTA là một khung pháp lý tổng hợp liên quan đến nhiều vấn đề về qua lại biên giới, như: giao thông vận tải, hải quan, xuất nhập cảnh và kiểm dịch y tế, kiểm dịch động thực vật. Ngoài ra, Hiệp định GMS–CBTA còn cho phép áp dụng cơ chế hải quan quá cảnh, “một cửa, một lần dừng” tại các cửa khẩu nhằm hạn chế việc kiểm tra thông thương, giảm thời gian chờ đợi và làm thủ tục, tạo thuận lợi cho phương tiện và hàng hóa lưu thông.

Việc mở các tuyến trên cho vận tải qua lại biên giới sẽ rút ngắn thời gian và chi phí vận chuyển, thu hút hàng hóa quá cảnh từ Đông bắc Thái Lan và miền Trung Lào đến cảng Vũng Áng và cảng Hòn La (Việt Nam). Tuy nhiên, một số Phụ lục và Nghị định thư của Hiệp định vẫn chưa được phê chuẩn. Việc sử dụng trang thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý các thủ tục thông quan nhằm tạo thuận lợi và giảm thời gian thông quan cũng đang còn nhiều vấn đề phải tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện.

- Giấy phép lao động và cư trú cho lao động nước ngoài

Thông thường, một khu kinh tế được coi là hấp dẫn với nhà đầu tư nước ngoài và mang tính hội nhập đó là việc thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài đến làm việc và làm việc lâu dài. Những yếu tố này bao gồm sự thuận lợi, thông thoáng về xuất nhập cảnh, giấy phép lao động và sự thuận lợi về cư trú đối với lao động nước ngoài.

Trong khi nguồn lao động có chất lượng cao chưa cung ứng được đối với một số ngành nghề, nhất là trong các ngành tri thức và công nghệ, việc thu hút và tuyển dụng các chuyên gia nước ngoài là nhu cầu cần thiết. Việc thuê tuyển các chuyên gia nước ngoài sẽ là phương án giúp vừa thay thế và vừa bổ sung cho các chương trình đào tạo tại doanh nghiệp. Khi một số kỹ năng nhất định khó có thể được đào tạo tại chỗ, nhiều doanh nghiệp phải quay sang phương án tuyển chuyên gia nước ngoài để đảm nhận các vị trí khó khó đến khi đội ngũ lao động trong nước có đủ năng lực đảm nhận. Đồng thời các chuyên gia nước ngoài cũng sẽ giúp thúc đẩy quá trình chuyển giao kỹ năng trong quá trình cùng làm việc và tập huấn ngắn hạn cho nhân sự trong nước.

Kể từ khi khởi công xây dựng, nhất là tổ hợp dự án gang thép và cảng Sơn Vương của Formosa, là đơn vị tập trung tại Khu kinh tế Vũng Áng khá đông (bảng 1), trong đó có số lượng lớn lao động nước ngoài. Theo quy định của Luật xuất nhập cảnh thì mọi lao động nước ngoài đều phải được cấp phép trước khi vào Việt Nam làm việc, tuy nhiên, không phải tất cả lao động Trung Quốc làm việc tại Khu kinh tế Vũng Áng đều được cấp phép ngay. Sau sự kiện Trung Quốc đặt Giàn khoan Hải Dương 981 vào vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam, vào tháng 5-2014, tại Khu kinh tế Vũng Áng đã xảy ra xô xát giữa lao động Việt Nam và Trung Quốc. Lúc

này, có nhiều ý kiến lo ngại về vấn đề lao động nước ngoài, đặc biệt là lao động Trung Quốc tại Vũng Áng - nơi có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng.

Từ đây có 2 vấn đề cần đề cập: i) không nên vì vấn đề liên quan đến tình hình biển Đông hay những vấn đề liên quan đến Trung Quốc mà đặt nặng vấn đề lao động nước ngoài, nhất là lao động Trung Quốc tại Vũng Áng (xét về vị trí trọng yếu đối với an ninh quốc gia); ii) việc một bộ phận lao động nước ngoài tại Khu kinh tế Vũng Áng chưa được cấp giấy phép cũng có phần nguyên nhân từ công tác công tác cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài.

Hiện nay Dự án Formosa đang là thời kỳ cao điểm về xây lắp, với sự tham gia của 14 nhà thầu chính đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc... Năm 2015 là năm bản lề, Dự án Formosa chuyển từ giai đoạn thi công sang vận hành như: Nhà máy Gang thép; Nhà máy Nhiệt điện và Cảng Sơn Dương với 5 cầu cảng. Khi đó, lao động trong các nhà thầu sẽ giảm dần sang năm 2016, ngược lại nhu cầu lao động kỹ thuật sản xuất vận hành tiếp tục tăng. Theo đó, những vấn đề cấp phép lao động (cải cách thủ tục hành chính) và nới lỏng các ràng buộc đối với lao động nước ngoài có chất lượng cao là những vấn đề cần thiết cho sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng trước mắt cũng như lâu dài.

Mặc dù Thông tư 03¹ đã được ban hành nhằm quy định chi tiết và đơn giản hóa việc thực hiện Bộ luật Lao động liên quan tới người lao động nước ngoài tại Việt Nam và phải hoàn tất việc xử lý hồ sơ trong thời hạn 15 ngày. Một trong những cách cụ thể mà Hà Tĩnh có thể tạo thuận lợi cho quá

1. Thông tư số 03/2014/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, thương binh và xã hội về "Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 5-9-2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam".

trình này là giảm số ngày cần thiết để nhận được giấy phép.

Ở cấp độ quốc gia, kinh nghiệm từ các nước cho thấy, các ưu đãi về tài chính chỉ là một bộ phận, ngoài ra các ưu đãi phi tài chính, thậm chí là quan trọng hơn để khuyến khích nhằm thu hút đầu tư. Tại một số nước, đặc biệt là tại các khu kinh tế mở, các nhà đầu tư nước ngoài được tự do hơn trong cư trú và sở hữu tài sản. Tuy nhiên, những quy định này tại Việt Nam vẫn đang được kiểm soát tương đối chặt chẽ. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư, kinh doanh tại khu kinh tế và các thành viên gia đình của họ được cấp thị thực xuất, nhập cảnh có giá trị nhiều lần và có thời hạn phù hợp với thời hạn làm việc tại khu kinh tế; được cư trú, tạm trú có thời hạn trong khu kinh tế và ở Việt Nam (Điều 18, Nghị định số 29/2008/NĐ-CP). Vấn đề người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở (theo Luật Nhà ở và Nghị quyết 19/2008/NQ-QH12 về thí điểm cho người nước ngoài sở hữu nhà ở) vẫn chưa được tự do hóa cũng là một rào cản để họ tham gia thị trường và tạo thuận lợi cho việc đầu tư vào Việt Nam nói chung và các khu kinh tế nói riêng. Xét theo khía cạnh này, đặc biệt là quyền sở hữu bất động sản, mức độ vượt trội về thể chế của các khu kinh tế ở Việt Nam còn chưa bằng các khu kinh tế trong khu vực.

Với quy hoạch và định hướng phát triển Vũng Áng trở thành nơi sản xuất gang thép lớn nhất khu vực Đông Nam Á và các ngành công nghiệp, cơ khí sau thép trong khi nguồn nhân lực tại chỗ chưa đáp ứng được

đòi hỏi thu hút các chuyên gia kỹ thuật và nhà quản trị doanh nghiệp đẳng cấp thế giới. Điều đó đặt ra phải có sự thông thoáng, cơ chế đặc thù trong việc cấp phép lao động và các ưu đãi trong việc xuất nhập cảnh và cư trú dài hạn. Có như vậy mới hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tóm lại, để Khu kinh tế Vũng Áng phát triển và tận dụng được các cơ hội của hội nhập mang lại cần tập trung xử lý những yếu kém trong nội tại phát triển của khu kinh tế (chất lượng nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, môi trường kinh doanh) và hạn chế các rào cản cho việc lưu thông hàng hóa, thu hút các nguồn lực./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý Khu kinh tế Hà Tĩnh (2014), “Báo cáo số 89”, về tình hình sử dụng lao động, tiền lương, thu nhập, nhà ở của người lao động và tình hình giải quyết tranh chấp lao động của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng.
2. Đoàn Đức Hiệp (2012), Khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đinh Văn Long (2014), Quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải về logistics tại cảng Vũng Áng - Hà Tĩnh, Luận án thạc sĩ, Đại học Kinh tế (Đại học quốc gia Hà Nội).
4. Lê Xuân Từ (2014), Phát triển nguồn nhân lực cho Khu kinh tế Vũng Áng - tỉnh Hà Tĩnh, Luận án thạc sĩ, Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội).
5. Nguyễn Thăng Long, Trần Việt Tiến (2014), “Vai trò của Khu kinh tế Vũng Áng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Hà Tĩnh”, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 202, tháng 4-2014, tr.20-25.
6. Đặng Thị Phương Hoa (2012), Khu kinh tế tự do: thực tiễn phát triển ở Trung Quốc và Ấn Độ, sách chuyên khảo, Nxb Khoa học xã hội, 171 tr.